

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:100 /2023/HS-ST
Ngày 12-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm và ông Nông Thế Hạp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Thư ký tại điểm cầu Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh: Ông Nông Văn Noọng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Lục Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến kết nối với Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh đối với vụ án Hình sự thụ lý số: 98/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Lục Văn C; tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 02/12/2000 tại xã Đ, huyện B, tỉnh C; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm B, xã Đ, huyện B, tỉnh C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Con ông Hoàng Văn N, sinh năm 1972 và bà Lục Thị X, sinh năm 1971; Vợ, con: không có;

Tiền án: Bị cáo có 02 tiền án. Ngày 30/8/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 22/9/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự. Ngày 01/10/2021, bị Công an huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản.

Nhân thân: Ngày 08/3/2021, bị Công an huyện Bảo Lạc, Cao Bằng xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/8/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Hà Thị Hạnh - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

- *Bị hại:* Chị Lục Thị L, sinh năm 1980

Địa chỉ: xóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh C. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 02/8/2023, Lục Văn C đến đoạn đường nội đồng thuộc xóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh C để sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng ma túy xong, C thấy 01 chiếc xe HONDA Vision của chị Lục Thị L, sinh năm 1980, trú tại xóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh C dựng gần ruộng, cách đường tỉnh 211 khoảng 10 mét. Quan sát xung quanh không thấy ai, C nảy sinh ý định mở cốp chiếc xe để trộm cắp tài sản. C tiến đến đứng ở bên trái của xe mô tô, dùng tay cầm vào phần yên bên phải của xe mô tô kéo yên xe lên tạo khoảng hở khoảng 10 cm. C thò tay vào và kéo ra 01 chiếc túi xách màu đen thì có 01 chiếc ví nằm trong túi rơi ra. C cầm lấy chiếc ví và túi rồi đi về hướng N thuộc xóm C, thị trấn T, huyện T, vút chiếc túi vào bụi cây gần đường rồi bước hướng ra đường tỉnh 211 mở chiếc ví ra xem thì thấy bên trong có tiền và nhiều giấy tờ. C rút lấy tiền cất vào túi rồi vút chiếc ví ở cạnh hàng rào cách đường tỉnh 211 khoảng 4 mét. Sau đó, C đi về hướng xóm V, thị trấn T, huyện T. Trên đường đi, C mang số tiền đã trộm được ra đếm được 22 tờ 500.000 đồng, 02 tờ 50.000 đồng và 02 tờ 20.000 đồng, tổng cộng: 11.140.000 đồng. Số tiền này, C đã dùng để mua ma túy về sử dụng và tiêu sài cá nhân.

Quá trình điều tra xác định, Lục Văn C, sinh năm 2000, trú tại xóm B, xã Đ, huyện B đã có hai tiền án, Ngày 30/8/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xử phạt 09 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; ngày 23/02/2022, chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương; chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên ngày 22/9/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xử phạt 10 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự với tình tiết tăng nặng là tái phạm; ngày 15/4/2023, C chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương, chưa được xóa án tích đến ngày 02/8/2023 lại tiếp tục phạm tội.

Lời khai bị cáo Lục Văn C phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Trong quá trình điều tra xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên ngày 04/11/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại: 01 túi xách màu đen; 01 chiếc ví màu nâu; 01 căn cước công dân số 004180006359, 01 thẻ ngân hàng Agribank, 01 giấy phép lái xe mô tô số 0412280001657, đều mang tên Lục Thị L; 01 căn cước công dân số 004205001540 mang tên Hoàng Thiên X; 03 tờ phiếu thu màu hồng, đều ghi ngày 25/7/2023, họ tên người nộp tiền Lục Thị L; 01 thẻ Đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn Trà Lĩnh, khóa XX, nhiệm kỳ 2021 – 2026 cho bị hại Lục Thị L.

Cáo trạng số 100/CT-VKSTK ngày 21 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố bị cáo Lục Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo xác nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của mình và khai: Để có tiền mua ma túy sử dụng, khoảng 14 giờ, ngày 02/8/2023, tại đường nội đồng thuộc xóm C, thị trấn T, huyện T bị cáo đã trộm cắp số tiền 11.140.000 đồng của chị Lục Thị L. Nay biết hành vi của mình là sai và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Lục Thị L trình bày: Khoảng 18 giờ ngày 02/8/2023, chị phát hiện bị mất túi xách và ví tiền để ở trong cốp xe máy tại đoạn đường thuộc địa phận xóm C, thị trấn T, bên trong ví có số tiền 11.140.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân. Tại tòa chị xác nhận đã nhận lại được toàn bộ giấy tờ. Đối với Số tiền bị mất 11.140.000 đồng chưa được bị cáo trả lại, nên chị yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 11.140.000 đồng. Ngoài ra chị L không có yêu cầu gì thêm.

Bị cáo nhất trí bồi thường số tiền 11.140.000 đồng theo yêu cầu của bị hại Lục Thị L.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lục Văn C từ 02 năm đến 03 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 11/8/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo với bị hại, bị cáo phải bồi thường số tiền đã trộm cắp là 11.140.000 đồng cho bị hại. Về vật chứng vụ án: đã được trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét. Về án phí: Bị cáo có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Bà Hà Thị Hạnh - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng trình bày quan điểm tranh luận: Nhất trí với Điều luật, Tội danh, tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị. Tuy nhiên khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến những vấn đề sau: Bị cáo Lục Văn C sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Gia đình thuộc hộ nghèo, để có tiền mua ma túy sử dụng nên liên tiếp thực hiện những hành vi trộm cắp tài sản, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức thấp nhất của khung hình phạt là 02 năm tù giam đối với bị cáo C. Ngoài ra, bị cáo có đơn xin miễn án phí đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với bản luận tội của kiểm sát viên về tội danh và hình phạt. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm mất tài sản, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 02/8/2023, tại đường nội đồng thuộc xóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh C. Lục Văn C đã có hành vi trộm cắp số tiền 11.140.000 đồng (Mười một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) của chị Lục Thị L trú tại xóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh C với mục đích để có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có ý thức che giấu, lén lút, lợi dụng việc tài sản không có người trong coi, quản lý để trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý. Bị cáo có 02 (hai) tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích; Tại bản án số: 42/2022/HS-ST, ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã áp dụng điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng (Tái phạm) đối với bị cáo. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo ngày 02/8/2023 là tái phạm nguy hiểm. Như vậy, đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố và đề nghị mức án đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng khi lượng hình.

Về nhân thân: Bị cáo có 02 tiền án, 01 tiền sự, Bị cáo sử dụng ma túy là chất mà Nhà nước ta nghiêm cấm tàng trữ, sử dụng dưới mọi hình thức nên là người có nhân thân xấu. Vì vậy, căn cứ tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội và nhân thân cần có mức án nghiêm minh đối với bị cáo để răn đe cũng như phòng ngừa chung. Xét thấy mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được bị cáo là người sử dụng ma túy, không có công việc thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là có căn cứ.

[5]. Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Qua điều tra xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại với tổng số tiền là 11.140.000 đồng (Mười một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

[7] Về án phí: Bị cáo có đơn xin miễn nộp án phí, bị cáo là người thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo thuộc trường hợp được miễn nộp án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lục Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lục Văn C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 11/8/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lục Văn C phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chị Lục Thị L, sinh năm 1980, địa chỉ: xóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh C số tiền 11.140.000 đồng (Mười một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ khi có quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự, nếu người phải bồi thường chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi xuất cơ bản của ngân hàng nhà nước Việt nam quy định tương ứng với số tiền chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo là người thuộc hộ nghèo, là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ (Bằng TB);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Quốc Hùng